VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012; Luật số 71/2014/QH13 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2015.

- Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 26/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/02/2007; Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế như sau:[2]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về:

---

[2] Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng; nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế như sau:"

a) Thực hiện các thủ tục hành chính thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế bằng phương thức giao dịch điện tử bao gồm: đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế và tiếp nhận các hồ sơ, văn bản khác của người nộp thuế gửi đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

b) Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế bằng phương thức điện tử bao gồm: tra cứu thông tin của người nộp thuế, gửi các thông báo của cơ quan thuế đối với người nộp thuế.

c) Tiêu chí lựa chọn, thủ tục, trình tự ký thỏa thuận với tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

2. Thông tư này không điều chỉnh việc thực hiện giao dịch điện tử về thuế đối với hàng hóa ở khâu xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ quan Hải quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế theo quy định tại Điều 2 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

3. Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc người nộp thuế thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế* là việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế bằng phương thức điện tử theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư này.

2. *Chứng từ điện tử trong lĩnh vực thuế* là thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương thức điện tử để thực hiện các thủ tục đăng ký thuế, khai

thuế, nộp thuế, hoàn thuế và tra cứu thông tin của người nộp thuế, thông báo của cơ quan thuế đối với người nộp thuế. Chứng từ điện tử có giá trị pháp lý như chứng từ giấy.

3. *Mã giao dịch điện tử* là một dãy các ký tự được tạo theo một nguyên tắc thống nhất để ghi nhận chứng từ điện tử trong lĩnh vực thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Mã giao dịch điện tử là duy nhất để nhận biết, xác định, tra cứu theo từng chứng từ điện tử trong lĩnh vực thuế, được Tổng cục Thuế quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

4.[3] *Tài khoản giao dịch thuế điện tử là tên và mật khẩu đăng nhập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế được cơ quan thuế cấp cho người nộp thuế để thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và tra cứu các chứng từ điện tử.*

Tài khoản giao dịch thuế điện tử bao gồm 01 (một) tài khoản chính và tối đa không quá 10 (mười) tài khoản phụ. Tài khoản chính được cơ quan thuế cấp cho người nộp thuế sau khi người nộp thuế đăng ký giao dịch với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 15 Thông tư này. Tài khoản phụ do người nộp thuế đăng ký thông qua tài khoản chính để phân quyền thực hiện theo từng dịch vụ.

5. *Mã xác thực giao dịch điện tử* là mật khẩu dùng một lần được sử dụng khi người nộp thuế là cá nhân (trường hợp chưa được cấp chứng thư số) thực hiện giao dịch điện tử. Mật khẩu này được gửi từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua "tin nhắn" đến số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế.

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

6.[4] *Tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (sau đây gọi là tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) là người trung gian theo quy định của Luật giao dịch điện tử và được Tổng cục Thuế chấp nhận kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để cung cấp dịch vụ đại diện (một phần hoặc toàn bộ) cho người nộp thuế thực hiện việc gửi, nhận, lưu trữ, phục hồi thông điệp dữ liệu điện tử; hỗ trợ khởi tạo, xử lý chứng từ điện tử; xác nhận việc thực hiện giao dịch điện tử giữa người nộp thuế với cơ quan thuế.*

7.[5] *Ngân hàng* bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tín dụng khác thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng.

8.[6] *Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế:* là điểm truy cập tập trung, tích hợp các thông tin theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư này bằng phương thức giao dịch điện tử với cơ quan thuế trên nền tảng Web.

Điều 4. Nguyên tắc giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

1. Việc thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phải tuân theo nguyên tắc rõ ràng, công bằng, trung thực, an toàn, hiệu quả và phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử.

2. Người nộp thuế đã thực hiện khai thuế điện tử thì phải thực hiện các giao dịch khác với cơ quan thuế theo phạm vi quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư này bằng phương thức điện tử, trừ trường hợp quy định tại Điều 9 Thông tư này.

---

[4] Khoản này (Khoản 6, Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 110/2015/TT-BTC) được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

[5] Khoản này được sửa đổi số thứ tự theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

[6] Khoản này được sửa đổi số thứ tự theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

3. Người nộp thuế, cơ quan thuế, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đã hoàn thành việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư này thì không phải thực hiện các phương thức giao dịch khác và được công nhận đã hoàn thành thủ tục thuế tương ứng theo quy định của Luật Quản lý thuế.

4. Mọi thông báo của cơ quan thuế từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế được gửi đến địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế, đồng thời được lưu trữ trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Người nộp thuế có thể tra cứu các thông báo qua tài khoản giao dịch thuế điện tử hoặc mã giao dịch điện tử do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế cấp cho người nộp thuế.

Điều 5. Điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

Người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có chứng thư số đang còn hiệu lực do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, trừ một số trường hợp sau:

a) Người nộp thuế là cá nhân được sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử trong trường hợp chưa được cấp chứng thư số.

b) Người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế và cấp mã số thuế theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

c) Người nộp thuế khi thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử bằng giao dịch với ngân hàng thông qua các hình thức thanh toán điện tử (Internet, Mobile, ATM, POS và các hình thức thanh toán điện tử khác) mà ngân hàng có quy định khác.

2. Có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet; có địa chỉ thư điện tử, có số điện thoại di động (đối với cá nhân chưa được cấp chứng thư số) đã đăng ký sử dụng để giao dịch với cơ quan thuế (trừ trường hợp người nộp thuế thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử qua hình thức nộp thuế điện tử với ngân hàng mà ngân hàng có quy định khác).

3. Người nộp thuế được đăng ký nhiều chứng thư số cho một hoặc nhiều thủ tục hành chính thuế; đăng ký nhiều tài khoản ngân hàng để thực hiện nộp thuế điện tử; đăng ký một số điện thoại di động để nhận mã xác thực giao dịch điện tử qua "tin nhắn"; đăng ký một địa chỉ thư điện tử chính thức để nhận tất cả các thông báo trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế. Ngoài ra, với mỗi thủ tục hành chính thuế người nộp thuế được đăng ký thêm một địa chỉ thư điện tử.

Điều 6. Sử dụng chữ ký số và mã xác thực giao dịch điện tử

1. Người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế với cơ quan thuế phải sử dụng chữ ký số được ký bằng chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Người nộp thuế ký hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế với đại lý thuế thì đại lý thuế sử dụng chứng thư số của đại lý thuế để ký trên các chứng từ điện tử của người nộp thuế khi giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

Người nộp thuế là cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế với cơ quan thuế nhưng chưa được cấp chứng thư số thì được sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của các cơ quan có liên quan đến giao dịch điện tử cấp.

2. Cơ quan thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ngân hàng khi thực hiện giao dịch điện tử theo quy định tại Thông tư này phải sử dụng chữ ký số được ký bằng chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

3. Việc sử dụng chữ ký số và mã xác thực giao dịch điện tử trên đây được gọi chung là ký điện tử.

Điều 7. Chứng từ điện tử

1. Chứng từ điện tử gồm:

a) Hồ sơ thuế điện tử: hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, hồ sơ hoàn thuế và các hồ sơ, báo cáo khác về thuế dưới dạng điện tử được quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế.

b) Chứng từ nộp thuế điện tử: giấy nộp tiền hoặc chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính dưới dạng điện tử, trừ trường hợp nộp thuế qua hình thức nộp thuế điện tử của ngân hàng.

c) Các văn bản, thông báo khác của cơ quan thuế, người nộp thuế dưới dạng điện tử.

Các chứng từ điện tử theo quy định tại khoản này phải được ký điện tử theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Trường hợp hồ sơ thuế điện tử có các tài liệu kèm theo ở dạng chứng từ giấy phải được chuyển đổi sang dạng điện tử theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử và được gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

3.[7] Chứng từ điện tử theo quy định tại Thông tư này có giá trị như hồ sơ, chứng từ, thông báo và các văn bản bằng giấy. Chứng từ điện tử có giá trị là bản gốc nếu được thực hiện bằng một trong các biện pháp quy định tại Điều 5 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính (sau đây gọi là Nghị định số 165/2018/NĐ-CP).

Chứng từ điện tử được sửa đổi theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP.

Chứng từ điện tử có thể chuyển đổi sang chứng từ giấy và ngược lại theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử và Nghị định số 165/2018/NĐ-CP.

4. Trường hợp các cơ quan, tổ chức đã kết nối thông tin với cơ quan thuế thì phải sử dụng chứng từ điện tử trong quá trình thực hiện giao dịch với cơ quan thuế; sử dụng chứng từ điện tử do cơ quan thuế cung cấp để giải quyết các thủ tục hành chính cho người nộp thuế, không được yêu cầu người nộp thuế nộp chứng từ giấy.

---

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Điều 8. Thời gian nộp hồ sơ thuế điện tử, nộp thuế điện tử[8]

1. Người nộp thuế được thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết.

2. Thời điểm xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử là căn cứ để cơ quan thuế tính thời gian nộp hồ sơ thuế và xử lý hành vi chậm nộp hoặc hành vi không nộp hồ sơ thuế của người nộp thuế; hoặc tính thời gian để giải quyết hồ sơ thuế điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định tại Thông tư này. Thời điểm xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử được xác định như sau:

a) Đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Đối với hồ sơ khai thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Đối với chứng từ nộp thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận chứng từ nộp thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

d) Đối với hồ sơ hoàn thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

---

[8] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

3. Ngày nộp thuế điện tử được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa (sau đây gọi là Thông tư số 84/2016/TT-BTC).

Cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có trách nhiệm gửi Thông báo về việc xác nhận nộp thuế điện tử (theo mẫu số 05/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) đến người nộp thuế chậm nhất 15 phút sau khi nhận được thông báo từ ngân hàng xác nhận nộp thuế điện tử thành công hoặc lý do nộp thuế điện tử không thành công, trừ trường hợp nộp thuế điện tử qua hình thức thanh toán điện tử của ngân hàng theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Thông tư này.

Điều 9. Xử lý sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

1. Trường hợp gặp sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế do lỗi hệ thống hạ tầng kỹ thuật của người nộp thuế thì người nộp thuế phải tự khắc phục sự cố. Trường hợp không khắc phục được thì liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời.

Trường hợp đến hạn nộp hồ sơ thuế, nộp thuế mà hệ thống hạ tầng kỹ thuật của người nộp thuế chưa khắc phục được sự cố, người nộp thuế thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức nộp hồ sơ giấy trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính, nộp thuế trực tiếp tại ngân hàng. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn người nộp thuế tiếp tục thực hiện giao dịch điện tử trong các kỳ tiếp theo.

2. Trường hợp do lỗi hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ngân hàng phục vụ người nộp thuế thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ngân hàng phục vụ người nộp thuế có trách nhiệm thông báo cho người nộp thuế được biết, phối hợp với Tổng cục Thuế để được hỗ trợ kịp thời. Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ngân hàng phục vụ người nộp thuế phải chịu trách nhiệm về việc hồ sơ thuế, chứng từ nộp thuế của người nộp thuế gửi đến cơ quan thuế không đúng thời hạn (trong trường hợp người nộp thuế nộp đúng thời hạn theo quy định)

và khắc phục nhanh nhất sự cố, có biện pháp hỗ trợ người nộp thuế gửi hồ sơ thuế, chứng từ nộp thuế đến cơ quan thuế trong thời gian ngắn nhất.

3.[9] Trường hợp lỗi do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ thuế, nộp thuế thì:

a) Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo thời điểm sự cố của hệ thống, thời điểm hệ thống tiếp tục hoạt động (theo mẫu 02/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Người nộp thuế nộp hồ sơ thuế, chứng từ nộp thuế điện tử trong ngày tiếp theo liền kề ngày Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp tục hoạt động, trừ trường hợp thực hiện quy định tại Khoản c Điểm này. Hồ sơ thuế, chứng từ điện tử nộp trong thời gian này là đúng hạn.

c) Người nộp thuế có yêu cầu nộp hồ sơ bản giấy trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính, nộp thuế trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng; cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thực hiện tiếp nhận và giải quyết cho người nộp thuế theo quy định.

Điều 10. Bảo mật thông tin

Việc gửi, truyền, nhận, trao đổi thông tin về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phải được bảo mật theo Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử và các quy định khác của pháp luật. Các tổ chức, cá nhân, cơ quan tham gia hệ thống trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử về thuế có trách nhiệm đảm bảo tính an toàn, bảo mật, chính xác và toàn vẹn của dữ liệu điện tử, sử dụng dữ liệu điện tử trong phạm vi nhiệm vụ của mình; có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để đảm bảo tính bảo mật, an toàn của hệ thống.

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Điều 11. Lưu trữ chứng từ điện tử

Việc lưu trữ chứng từ điện tử trong lĩnh vực thuế được thực hiện theo thời hạn do pháp luật quy định như đối với chứng từ giấy. Trường hợp chứng từ điện tử hết thời hạn lưu trữ theo quy định nhưng có liên quan đến tính toàn vẹn về thông tin của hệ thống và các chứng từ điện tử đang lưu hành, thì tiếp tục được lưu trữ, cho đến khi việc hủy chứng từ điện tử hoàn toàn không ảnh hưởng đến các giao dịch điện tử khác thì mới được tiêu hủy.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn.

2. Được hướng dẫn, hỗ trợ trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

3. Được tra cứu để xem, in toàn bộ chứng từ điện tử người nộp thuế đã gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn.

4. Được công nhận hoàn thành các thủ tục về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và sử dụng chứng từ điện tử trong các giao dịch với cơ quan thuế và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Được sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử do cơ quan thuế cấp để thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử, trừ trường hợp nộp thuế qua các hình thức nộp thuế điện tử khác của ngân hàng.

6. Có trách nhiệm chuẩn bị, xây dựng, quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của mình phục vụ việc giao dịch điện tử với cơ quan thuế được thuận lợi và đúng quy định.

7. Có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin đăng ký giao dịch điện tử một cách kịp thời, chính xác và quản lý, sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử của mình với cơ quan thuế đảm bảo an toàn, bảo mật, đúng mục đích.

8. Có trách nhiệm quản lý chứng thư số và đảm bảo tính chính xác của chữ ký số trên chứng từ điện tử của mình.

9. Có trách nhiệm theo dõi, cập nhật, phản hồi các thông tin liên quan đến giao dịch điện tử với cơ quan thuế và thực hiện theo các hướng dẫn, thông báo của cơ quan thuế đã gửi đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế và trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thuế, công chức thuế

1. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Luật Giao dịch điện tử, các văn bản hướng dẫn và các quy định tại Thông tư này.

2. Hướng dẫn, hỗ trợ để người nộp thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ngân hàng và các tổ chức liên quan thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

3. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống tiếp nhận và xử lý dữ liệu thuế điện tử đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật và liên tục. Thời gian dừng hệ thống để bảo trì không được quá 2% tổng số giờ cung cấp dịch vụ và chỉ thực hiện ngoài giờ làm việc. Trường hợp dừng hệ thống để bảo trì phải thông báo trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

4. Cung cấp thông tin về người nộp thuế đăng ký thay đổi, bổ sung, ngừng giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, thông tin phối hợp thu ngân sách nhà nước cho các ngân hàng để thực hiện nộp thuế điện tử.

5. Xây dựng hệ thống kết nối thông tin, cung cấp thông tin về số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan bằng điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính cho người nộp thuế theo quy định.

6. Cập nhật các thông tin đăng ký giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác.

7. Gửi các thông tin phản hồi cho người nộp thuế theo các thông tin người nộp thuế đã đăng ký thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế.

8. Trường hợp chứng từ điện tử của người nộp thuế đã được lưu trong cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế thì cơ quan thuế, công chức thuế phải thực hiện khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống, không được yêu cầu người nộp thuế cung cấp hồ sơ thuế, chứng từ nộp thuế bằng giấy.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

1. Kho bạc Nhà nước

a) Phối hợp với cơ quan thuế, ngân hàng trong việc truyền, nhận, xác nhận thông tin nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử của người nộp thuế.

b) Cung cấp đầy đủ thông tin danh mục tài khoản thu ngân sách của Kho bạc Nhà nước mở tại các ngân hàng theo phương thức điện tử cho cơ quan thuế.

c) Xử lý, đối soát dữ liệu về nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử với các ngân hàng và cơ quan thuế.

2. Ngân hàng

a) Phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước trong việc thực hiện nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử cho người nộp thuế.

b) Phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước thực hiện xử lý, đối soát dữ liệu về nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử.

c) Truyền, nhận thông tin tài khoản của người nộp thuế đăng ký nộp thuế điện tử, thông tin chứng từ nộp thuế điện tử với cơ quan thuế một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác.

d) Hỗ trợ người nộp thuế trong quá trình thực hiện nộp thuế điện tử.

3. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan

a) Phối hợp với cơ quan thuế trong việc tiếp nhận, giải quyết, quản lý, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

b) Phối hợp với cơ quan thuế trong việc kết nối, trao đổi,truyền, nhận thông tin về chứng từ điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính cho người nộp thuế theo quy định.

c) Sử dụng chứng từ điện tử do cơ quan thuế cung cấp để giải quyết các thủ tục hành chính cho người nộp thuế, không được yêu cầu người nộp thuế nộp chứng từ giấy.

Chương II
GIAO DỊCH VỚI CƠ QUAN THUẾ BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ

Mục 1
ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VỚI CƠ QUAN THUẾ BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ

Điều 15. Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử

1.[10] Người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử (theo mẫu số 01/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Chỉ sau khi được cơ quan thuế thông báo chấp nhận cấp tài khoản giao dịch điện tử theo quy định tại Điều này hoặc Điều 32 Thông tư này, người nộp thuế mới có thể thực hiện các giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định (trừ trường hợp đăng ký thuế lần đầu theo quy định tại Điều 19 Thông tư này).

Người nộp thuế được cấp một tài khoản chính để thực hiện đầy đủ các giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này, trừ quy định tại Khoản 2 Điều này. Người nộp thuế được sử dụng tài khoản chính để đăng ký thêm một hoặc một số tài khoản phụ qua chức năng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện từng giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) đến địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại người

---

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

nộp thuế đã đăng ký chậm nhất 15 phút sau khi nhận được hồ sơ đăng ký giao dịch bằng phương thức điện tử của người nộp thuế.

Trường hợp chấp nhận, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông tin về tài khoản giao dịch thuế điện tử cho người nộp thuế.

Trường hợp không chấp nhận, người nộp thuế căn cứ vào lý do không chấp nhận của cơ quan thuế tại thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) để hoàn chỉnh thông tin đăng ký, ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn, hỗ trợ.

2. Đối với thủ tục đăng ký nộp thuế điện tử, người nộp thuế sau khi hoàn thành việc thực hiện đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện đăng ký với ngân hàng nơi mở tài khoản theo quy định của ngân hàng.

Ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản gửi thông báo (theo mẫu số 04/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký nộp thuế điện tử cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản đăng ký của người nộp thuế.

Trường hợp không chấp nhận, người nộp thuế căn cứ thông báo không chấp nhận nộp thuế điện tử của ngân hàng để hoàn chỉnh thông tin đăng ký hoặc liên hệ với cơ quan thuế quản lý, ngân hàng nơi mở tài khoản để được hướng dẫn, hỗ trợ.

3.[11] Đối với cá nhân có mã số thuế và sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử, việc đăng ký giao dịch bằng phương thức điện tử với cơ quan thuế thực hiện như sau:

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

a) Trường hợp phát sinh nghĩa vụ khai thuế hoặc nộp thuế định kỳ, người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và đăng ký giao dịch theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Người nộp thuế đến cơ quan thuế bất kỳ xuất trình chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân để nhận và kích hoạt tài khoản giao dịch thuế điện tử.

b) Trường hợp phát sinh nghĩa vụ khai thuế hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh, người nộp thuế thực hiện đăng ký giao dịch điện tử từng lần đồng thời với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế.

Điều 16. Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử

1. Người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để cập nhật thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế (theo mẫu số 02/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Sau khi nhận được thông tin thay đổi, bổ sung của người nộp thuế, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

2. Đối với thông tin thay đổi, bổ sung về tài khoản ngân hàng để nộp thuế điện tử thì người nộp thuế thực hiện đăng ký với ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản theo quy định tại khoản 2, Điều 15 Thông tư này.

Điều 17. Thủ tục đăng ký ngừng giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử

1. Trường hợp người nộp thuế ngừng giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử, người nộp thuế thực hiện truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để khai báo (theo mẫu số 03/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Sau khi nhận được đăng ký ngừng giao dịch của người nộp thuế, cơ quan thuế kiểm tra, xác định người nộp thuế đủ điều kiện ngừng giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử, gửi thông báo (theo mẫu 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký ngừng giao dịch cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

2. Trường hợp người nộp thuế chấm dứt hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc có thông báo của cơ quan thuế về việc bỏ địa chỉ kinh doanh, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ngừng việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử, đồng thời gửi thông báo (theo mẫu 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc ngừng giao dịch điện tử của người nộp thuế với cơ quan thuế cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, kể từ thời điểm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, thông báo người nộp thuế bỏ địa chỉ kinh doanh.

3. Kể từ thời điểm ngừng giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, người nộp thuế không được thực hiện các thủ tục hành chính thuế điện tử theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư này nhưng vẫn được tra cứu các thông tin của giao dịch điện tử trước đó trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế bằng cách sử dụng tài khoản hoặc mã giao dịch thuế điện tử đã được cấp cho đến khi cơ quan thuế thông báo tài khoản đó hết hiệu lực sử dụng.

Trường hợp người nộp thuế tiếp tục giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) thì thực hiện thủ tục đăng ký như đăng ký lần đầu theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

Mục 2
GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG ĐĂNG KÝ THUẾ

Điều 18. Đăng ký thuế điện tử

1.[12] Đăng ký thuế điện tử là việc người nộp thuế (trừ người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh) thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả đăng ký thuế (trừ trường hợp nhận kết quả là Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế) qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Trường hợp đăng ký thuế lần đầu, người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả đăng ký thuế theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục về đăng ký thuế điện tử thực hiện theo các quy định hiện hành về đăng ký thuế.

Điều 19. Đăng ký thuế lần đầu[13]

1. Người nộp thuế mới thành lập hoặc bắt đầu phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để khai và nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu theo quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế (sau đây gọi là Thông tư số 95/2016/TT-BTC).

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận, đối chiếu thông tin và gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế vào địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế, thông báo nêu rõ thời

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

[13] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

gian, địa điểm trả kết quả, đồng thời yêu cầu người nộp thuế mang hồ sơ giấy đến trụ sở cơ quan thuế.

3. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế đủ điều kiện cấp mã số thuế theo quy định, cơ quan thuế giải quyết theo quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký thuế bản giấy tại trụ sở của cơ quan thuế ghi trên Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Cơ quan thuế đối chiếu ngay hồ sơ đăng ký thuế bản giấy với hồ sơ đã nhận qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy khớp với hồ sơ đăng ký thuế điện tử, cơ quan thuế trả kết quả đăng ký thuế cho người nộp thuế. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế bằng bản giấy không khớp đúng với hồ sơ điện tử và thông tin trên hồ sơ bằng bản giấy đầy đủ, chính xác, cơ quan thuế giải quyết theo hồ sơ giấy và trả kết quả đăng ký thuế cho người nộp thuế. Trường hợp thông tin trên hồ sơ bằng bản giấy không đầy đủ, không chính xác, cơ quan thuế hướng dẫn người nộp thuế sửa đổi, bổ sung thông tin và nộp lại hồ sơ đăng ký thuế bản giấy khác.

Sau thời hạn trả kết quả đăng ký thuế 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử mà người nộp thuế không đến cơ quan thuế hoặc đến cơ quan thuế nhưng không có văn bản nêu rõ lý do thì hồ sơ đăng ký thuế điện tử đã nộp không còn hiệu lực.

4. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không đủ điều kiện cấp mã số thuế theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử, cơ quan thuế gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký thuế (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Người nộp thuế có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký thuế điện tử khác qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc nộp hồ sơ bản giấy tại trụ sở cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thay thế cho hồ sơ có sai sót đã gửi đến cơ quan thuế.

Điều 20. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và các thủ tục đăng ký thuế khác[14]

1. Trường hợp người nộp thuế phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và các thủ tục đăng ký thuế khác theo quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC (như đăng ký cấp mã số thuế khấu trừ, nộp thay, khôi phục mã số thuế, khôi phục sau tạm ngừng kinh doanh trước thời hạn), người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, khai thông tin trên các hồ sơ tương ứng, ký điện tử và gửi cơ quan thuế.

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN tiếp nhận, kiểm tra và gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ điện tử của người nộp thuế.

3. Trường hợp hồ sơ điện tử đầy đủ theo quy định, cơ quan thuế xử lý và trả kết quả cho người nộp thuế vào địa chỉ thư điện tử đã đăng ký hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trong thời hạn quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC.

Trường hợp người nộp thuế đăng ký nhận kết quả là Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế qua đường bưu chính thì cơ quan Thuế có trách nhiệm gửi kết quả cho người nộp thuế đến địa chỉ người nộp thuế đã đăng ký.

4. Trường hợp hồ sơ điện tử chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử, cơ quan Thuế gửi Thông báo theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này về việc không chấp nhận hồ sơ cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

---

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Người nộp thuế có trách nhiệm gửi hồ sơ điện tử khác qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN hoặc nộp hồ sơ bản giấy tại trụ sở cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thay thế cho hồ sơ có sai sót đã gửi đến cơ quan thuế.

Mục 3
GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG KHAI THUẾ

Điều 21. Thay đổi thông tin về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế[15]

Trường hợp thông tin về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế (gồm: loại thuế, mẫu hồ sơ khai thuế, kỳ tính thuế, kỳ khai thuế, ngày bắt đầu, ngày kết thúc phải nộp hồ sơ khai thuế) trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế không đúng hoặc có thay đổi, người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN và điều chỉnh thông tin. Cơ quan thuế thực hiện cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, đồng thời gửi thông tin xác nhận cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế điều chỉnh thông tin.

Điều 22. Khai thuế điện tử[16]

1. Người nộp thuế thực hiện khai thuế điện tử theo một trong các cách sau:

a) Khai thuế điện tử trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế: người nộp thuế truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; thực hiện khai thuế trực tuyến tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, ký điện tử và gửi hồ sơ khai thuế điện tử cho cơ quan thuế.

---

[15] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

[16] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

b) Khai thuế điện tử bằng các phần mềm, công cụ hỗ trợ khai thuế: người nộp thuế lập hồ sơ khai thuế điện tử bằng phần mềm, công cụ hỗ trợ đáp ứng chuẩn định dạng dữ liệu của cơ quan thuế; sau đó truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, ký điện tử và gửi hồ sơ khai thuế điện tử cho cơ quan thuế.

c) Khai thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế.

Chậm nhất 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên thông báo tiếp nhận nộp hồ sơ khai thuế điện tử, cơ quan Thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Trường hợp cơ quan thuế chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử, ngày xác định hoàn thành nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế điện tử là ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) đối với hồ sơ khai thuế đã được tiếp nhận lần đầu qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Trường hợp cơ quan Thuế không chấp nhận hồ sơ khai thuế, cơ quan Thuế gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, trong đó nêu rõ lý do.

Người nộp thuế được xác định là chưa hoàn thành nộp hồ sơ khai thuế trong trường hợp hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, người nộp thuế không nộp lại hồ sơ khai thuế hoặc có nộp lại hồ sơ khai thuế nhưng không được cơ quan thuế chấp nhận.

3. Người nộp thuế thực hiện giải trình, bổ sung hồ sơ khai thuế, phản hồi các thông báo của cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan Thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế bản giấy tại trụ sở cơ quan thuế.

Mục 4
GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG NỘP THUẾ

Điều 23. Điều kiện thực hiện nộp thuế điện tử

1. Các ngân hàng được tham gia thủ tục nộp thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã triển khai hệ thống CoreBanking.

b) Có hệ thống hỗ trợ thu ngân sách nhà nước và có khả năng kết nối, trao đổi thông tin với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

c) Có giải pháp kỹ thuật về an toàn, bảo mật, ghi nhận và truyền tải được đầy đủ thông tin nộp thuế của người nộp thuế theo quy định.

d) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và có sử dụng hình thức thanh toán điện tử theo quy định của ngân hàng nhà nước.

2. Người nộp thuế thực hiện nộp thuế điện tử phải được cơ quan thuế, ngân hàng chấp nhận đăng ký giao dịch thuế điện tử theo quy định tại Điều 15 hoặc Điều 32 Thông tư này, trừ trường hợp người nộp thuế thực hiện nộp thuế điện tử bằng các hình thức nộp thuế điện tử khác theo quy định của ngân hàng.

Điều 24. Hình thức nộp thuế điện tử

Người nộp thuế có thể lựa chọn các hình thức sau đây để thực hiện nộp thuế điện tử:

1. Thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

2. Giao dịch với ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản thông qua hình thức thanh toán điện tử (Internet, Mobile, ATM, POS và các hình thức thanh toán điện tử khác) của ngân hàng để thực hiện thủ tục nộp thuế.

Điều 25. Đăng ký nộp thuế điện tử

1. Trường hợp đăng ký nộp thuế điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, người nộp thuế thực hiện đăng ký nộp thuế điện tử, thay đổi thông tin,

ngừng giao dịch nộp thuế điện tử theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 hoặc Điều 32, Điều 33, Điều 34 (trường hợp sử dụng dịch vụ T-VAN) Thông tư này.

2. Trường hợp đăng ký nộp thuế qua hình thức thanh toán điện tử của ngân hàng (Internet, Mobile, ATM, POS và các hình thức thanh toán điện tử khác), người nộp thuế thực hiện theo quy định của ngân hàng.

Điều 26. Nộp thuế điện tử[17]

1. Thủ tục nộp thuế điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 84/2016/TT-BTC.

2. Trường hợp nộp thuế qua hình thức thanh toán điện tử của ngân hàng, ngân hàng thực hiện xử lý chứng từ nộp thuế điện tử theo quy định của ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản và truyền thông tin về chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế cho cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Mục 5
GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG HOÀN THUẾ

Điều 27. Lập và gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử[18]

1. Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ đề nghị hoàn đến cơ quan thuế như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị hoàn thuế là Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước và các tài liệu kèm theo, người nộp thuế thực hiện theo một trong hai phương thức như sau:

---

[17] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

[18] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

- Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo quy định, ký điện tử và gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Người nộp thuế lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo quy định, ký điện tử và gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN: Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có trách nhiệm gửi ngay hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trên hồ sơ khai thuế và không phải gửi Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước thì việc lập và gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử được thực hiện đồng thời với việc lập và gửi hồ sơ khai thuế điện tử theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

2. Thông báo tiếp nhận/chấp nhận hồ sơ hoàn thuế

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị hoàn thuế là Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước và các tài liệu kèm theo.

Chậm nhất 15 phút kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi Thông báo tiếp nhận nộp hồ sơ hoàn thuế điện tử, cơ quan Thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trên hồ sơ khai thuế:

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử đồng thời với thông báo tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử. Việc trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư này và Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử được thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định được tính từ ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 28. Thông báo kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế điện tử

1.[19] Cơ quan thuế có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế đã tiếp nhận bằng phương thức điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế và gửi kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế (thông báo, quyết định liên quan đến quá trình giải quyết hoàn thuế, kết quả giải quyết hoàn thuế của cơ quan thuế) qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

2.[20] Người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị hoàn qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

3.[21] Cơ quan thuế gửi quyết định hoàn thuế hoặc quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Đồng thời, Cơ quan Thuế gửi quyết định hoàn thuế và lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước hoặc quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước và lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước (đối với

---

[19] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

[20] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng) và gửi Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước hoặc lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước (đối với trường hợp hoàn khác) cho Kho bạc Nhà nước bằng phương thức điện tử.

4. Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán hoàn trả, hạch toán bù trừ thu ngân sách nhà nước và chuyển tiền hoàn thuế vào tài khoản của người nộp thuế tại ngân hàng theo thông tin cơ quan thuế cung cấp theo quy định hiện hành.

Việc truyền, nhận thông tin hạch toán hoàn trả, hạch toán bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước giữa cơ quan thuế và Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo quy định về trao đổi thông tin giữa Kho bạc Nhà nước và cơ quan thuế hiện hành.

5. Trường hợp Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống của Kho bạc Nhà nước không thực hiện được việc trao đổi thông tin bằng phương thức điện tử thì cơ quan thuế gửi quyết định hoàn thuế và lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước hoặc quyết định hoàn thuế và lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước bằng văn bản đến Kho bạc Nhà nước.

Mục 6
GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ NGƯỜI NỘP THUẾ BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ

Điều 29. Tra cứu, xác nhận, điều chỉnh thông tin của người nộp thuế[22]

1. Tra cứu thông tin của người nộp thuế:

a) Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu, xem, in toàn bộ thông tin về hồ sơ, chứng từ, thông báo đã nhận/gửi giữa cơ quan thuế và người nộp thuế. Các thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế có giá trị xác nhận như văn bản bằng giấy của cơ quan thuế.

---

[22] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

b) Người nộp thuế chưa có tài khoản giao dịch thuế điện tử, sử dụng mã giao dịch điện tử được cấp theo từng lần để tra cứu thông tin đã giao dịch với cơ quan Thuế.

2. Xác nhận số thuế đã nộp ngân sách

a) Trường hợp cần xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước, người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, lập Giấy đề nghị xác nhận số thuế đã nộp Ngân sách nhà nước (theo mẫu số C1-10a/NS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi cho cơ quan Thuế.

b) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của người nộp thuế.

Cơ quan Thuế rà soát, đối chiếu thông tin do cơ quan thuế quản lý và gửi thông báo xác nhận hoặc không xác nhận số thuế đã nộp ngân sách (theo mẫu số C1-10b/NS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời gian quy định tại Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 84/2016/TT-BTC.

3. Tra cứu thông tin sổ thuế

Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu thông tin sổ thuế.

Định kỳ ngày 15 hàng tháng (hoặc ngày làm việc tiếp theo nếu ngày 15 hàng tháng trùng với ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật về lao động), Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đăng tải thông tin sổ thuế của tháng trước đó. Thông tin trên sổ thuế hàng tháng bao gồm:

a) Thông tin về số thuế tháng trước chuyển sang (dư đầu kỳ);

b) Thông tin về số thuế phát sinh trong tháng (phát sinh trong kỳ);

c) Thông tin về số thuế chuyển tháng sau (dư cuối kỳ).

Trường hợp thông tin sổ thuế không khớp đúng với dữ liệu về thuế do người nộp thuế theo dõi, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được giải quyết.

4. Xử lý sai sót, tra soát và điều chỉnh thông tin nộp thuế

Việc xử lý sai sót, tra soát và điều chỉnh thông tin thu nộp thuế được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 84/2016/TT-BTC.

Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, lập Thư tra soát (mẫu số C1-11/NS ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC), ký điện tử và gửi cơ quan Thuế.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được Thư tra soát của người nộp thuế.

Sau khi nhận được Thư tra soát của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, cơ quan Thuế kiểm tra, đối chiếu và ban hành Thông báo điều chỉnh thông tin nộp thuế (theo mẫu số 06/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời hạn quy định tại Điều 17 Thông tư số 84/2016/TT-BTC.

Điều 30. Gửi các thông báo, văn bản của cơ quan thuế

1. Các loại thông báo, văn bản của cơ quan thuế:

a) Thông báo của Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế: là tất cả các thông báo phản hồi do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tạo lập và gửi cho người nộp thuế, thông báo xác nhận về việc đã nhận các hồ sơ thuế, chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế.

b) Thông báo của cơ quan thuế: bao gồm tất cả các thông báo của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế để thông báo về quá trình, kết quả xử lý hồ sơ thuế của người nộp thuế, hướng dẫn, yêu cầu người nộp thuế thực hiện giải trình, bổ sung thông tin tài liệu có liên quan đến hồ sơ thuế của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

c) Biên bản, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp, không nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế lập và gửi đến người nộp thuế.

d) Thông báo của cơ quan thuế về các quy định, chính sách thuế và các thông báo khác về thuế.

2. Nguyên tắc, hình thức lập và gửi thông báo, văn bản của cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

a) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động tạo lập và gửi các thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ thuế, chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế theo mẫu quy định tại Thông tư này.

b) Thông báo được tự động tạo lập từ hệ thống quản lý thuế của ngành thuế được chuyển qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để gửi cho người nộp thuế. Việc tạo lập các thông báo này được thực hiện theo quy định nghiệp vụ về quản lý thuế trên hệ thống quản lý thuế của ngành thuế.

c) Thông báo, văn bản bằng giấy của cơ quan thuế được chuyển thành chứng từ điện tử và gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Việc tạo lập, ban hành các thông báo này theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

d) Tất cả các thông báo, văn bản đều được gửi đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế và được tra cứu, xem, in trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định tại Điều 29 Thông tư này.

3. Người nộp thuế có trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện theo các nội dung, yêu cầu ghi trên thông báo, văn bản của cơ quan thuế theo thời hạn quy định, thường xuyên kiểm tra thư điện tử theo địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế, đăng nhập tài khoản giao dịch thuế điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu, xem, in thông báo, văn bản cơ quan thuế đã gửi cho người nộp thuế. Cơ quan thuế không chịu trách nhiệm đối với trường hợp người nộp thuế không kiểm tra, không đọc thông báo, văn bản của cơ quan thuế tại tài khoản giao dịch thuế điện tử và qua địa chỉ thư điện tử, kể cả trong

trường hợp người nộp thuế không truy cập được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế do lỗi kỹ thuật thuộc về hệ thống hạ tầng, thiết bị của người nộp thuế hoặc do địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế không chính xác.

Chương III
DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VỀ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC THUẾ (T-VAN)

Mục 1
LỰA CHỌN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN

Điều 31. Lựa chọn tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin để ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN

1. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin để ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN.

a) Về chủ thể

- Là doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Có kinh nghiệm trong việc xây dựng giải pháp công nghệ thông tin và giải pháp trao đổi dữ liệu điện tử giữa các tổ chức, cụ thể:

+ Có tối thiểu 03 năm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

+ Đã triển khai hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin cho tối thiểu 10 tổ chức.

+ Đã triển khai hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử để phục vụ trao đổi dữ liệu điện tử giữa các chi nhánh của doanh nghiệp với nhau hoặc giữa các tổ chức với nhau.

+ Có chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp và đang còn hiệu lực.

b) Về tài chính

- Có đủ năng lực tài chính để thiết lập hệ thống trang thiết bị kỹ thuật, tổ chức và duy trì hoạt động phù hợp với quy mô cung cấp dịch vụ.

- Có ký quỹ tại một ngân hàng hoạt động tại Việt Nam hoặc có giấy bảo lãnh của một ngân hàng hoạt động tại Việt Nam không dưới 5 tỷ đồng, hoặc mua bảo hiểm để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ và thanh toán chi phí tiếp nhận và duy trì cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Có trụ sở làm việc, địa điểm đặt trang thiết bị phải đảm bảo an toàn phù hợp với loại hình dịch vụ cung cấp.

c) Về nhân sự

- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật tối thiểu có 5 cán bộ trình độ đại học chuyên ngành công nghệ thông tin, có kinh nghiệm thực tiễn về quản trị mạng, bảo mật về hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử, quản trị cơ sở dữ liệu, am hiểu pháp luật thuế.

- Có đội ngũ nhân viên kỹ thuật, thường xuyên trực 24 giờ trong ngày để duy trì hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử và hỗ trợ người sử dụng dịch vụ T-VAN.

d) Về kỹ thuật

- Thiết lập hệ thống thiết bị, kỹ thuật đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Đảm bảo cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế và kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trực tuyến 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, Tết). Thời gian dừng hệ thống để bảo trì không quá 2% tổng số giờ cung cấp dịch vụ.

+ Có khả năng phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn các truy cập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng để đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn của dữ liệu trao đổi giữa các bên tham gia; có biện pháp kiểm soát giao dịch với người nộp thuế và với cơ quan thuế.

+ Có các quy trình và thực hiện sao lưu dữ liệu, sao lưu trực tuyến dữ liệu, khôi phục dữ liệu; thời gian phục hồi dữ liệu tối đa 08 giờ kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố.

- Có giải pháp lưu trữ kết quả các lần truyền nhận giữa các bên tham gia giao dịch; lưu trữ chứng từ điện tử trong thời gian giao dịch chưa hoàn thành với yêu cầu thông điệp dữ liệu điện tử gốc phải được lưu giữ trên hệ thống và được truy cập trực tuyến.

- Nhật ký giao dịch điện tử trên hệ thống phải được lưu trữ trong thời gian tối thiểu 10 năm kể từ thời điểm thực hiện thành công giao dịch. Các thông tin này có thể được tra cứu trực tuyến trong thời gian lưu trữ nêu trên.

- Có các phương án và hệ thống dự phòng đảm bảo duy trì hoạt động an toàn, liên tục và có các phương án xử lý tình huống bất thường, khắc phục sự cố.

- Đáp ứng các yêu cầu chuẩn kết nối dữ liệu theo yêu cầu của Tổng cục thuế.

2. Giao Tổng cục Thuế xem xét đề nghị ký thỏa thuận, thực hiện kiểm tra tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tại khoản 1 Điều này và ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN theo trình tự quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trình tự ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tại khoản 1 Điều này gửi văn bản đề nghị ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN, các tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí yêu cầu và đề án cung cấp dịch vụ T-VAN đến Tổng cục Thuế.

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN, Tổng cục Thuế có văn bản thông báo về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN, trường hợp không chấp thuận nêu rõ lý do.

c) Kể từ ngày Tổng cục Thuế thông báo về việc chấp nhận đề nghị ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN, tổ chức thực hiện kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Tổng cục Thuế thực hiện kiểm tra và ký văn bản thỏa thuận

nếu kết quả kiểm tra đáp ứng cung cấp dịch vụ T-VAN. Trường hợp kết quả kiểm tra không đáp ứng việc cung cấp dịch vụ T-VAN, Tổng cục Thuế có văn bản thông báo từ chối ký thỏa thuận và nêu rõ lý do.

d) Chậm nhất 10 ngày sau khi ký thỏa thuận, Tổng cục Thuế công bố công khai trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn), Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về danh sách tổ chức đã ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN.

e) Trường hợp sau khi ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có thay đổi, bổ sung thông tin liên quan đến thỏa thuận đã ký với Tổng cục Thuế, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải trao đổi và thống nhất với Tổng cục Thuế bằng văn bản.

f) Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN ngừng cung cấp dịch vụ T-VAN thì trước thời hạn đề nghị ngừng 30 ngày, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải trao đổi và thống nhất với Tổng cục Thuế bằng văn bản để Tổng cục Thuế thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn), Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

4. Tổng cục Thuế được chấm dứt thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trong các trường hợp sau:

- Vi phạm các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều này; hoặc vi phạm các điều khoản đã ký thỏa thuận; hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Bị giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của tổ chức; bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.

Tổng cục Thuế có văn bản gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN vi phạm được biết và ngừng kết nối với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN; đồng thời công bố công khai trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn), Cổng thông tin điện tử của Tổng cục thuế về tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN vi phạm, đã ngừng thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN.

Người nộp thuế đang thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN nêu trên được chuyển sang giao dịch qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc được Tổng cục Thuế hỗ trợ để đăng ký giao dịch qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khác.

5. Tổ chức đã cung cấp dịch vụ T-VAN trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư này.

Mục 2
ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC THUẾ QUA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN

Điều 32. Thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN

1. Người nộp thuế được sử dụng dịch vụ T-VAN trong việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử.

2. Người nộp thuế lập tờ khai đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01/ĐK-T-VAN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

3. Ngay sau khi nhận được tờ khai đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN, cơ quan thuế gửi thông báo (theo mẫu 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để gửi cho người nộp thuế.

Trường hợp chấp nhận cơ quan thuế gửi thông báo cấp tài khoản tra cứu trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế cho người nộp thuế. Trường hợp không chấp thuận, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thông báo lý do cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để gửi cho người nộp thuế.

Đối với trường hợp đăng ký nộp thuế điện tử, người nộp thuế sau khi hoàn thành đăng ký tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện đăng ký nộp thuế điện tử với ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

4. Người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được phép tra cứu toàn bộ thông tin liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

5. Chứng từ điện tử của người nộp thuế gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đến cơ quan thuế phải có chữ ký số của người nộp thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Điều 33. Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin sử dụng dịch vụ T-VAN

1. Trường hợp thay đổi, bổ sung thông tin trên Tờ khai đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN, người nộp thuế thực hiện khai các thông tin thay đổi, bổ sung (theo mẫu số 02/ĐK-T-VAN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung cho người nộp thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Trường hợp thay đổi, bổ sung thông tin tài khoản nộp thuế điện tử thì người nộp thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 16 Thông tư này.

2. Trường hợp thay đổi tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, người nộp thuế phải thực hiện đăng ký ngừng theo quy định tại Điều 34 và thực hiện thủ tục đăng ký lại theo quy định tại Điều 32 Thông tư này.

Điều 34. Đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN

1. Trường hợp ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN, người nộp thuế thực hiện đăng ký (theo mẫu số 03/ĐK-T-VAN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

2. Cơ quan Thuế gửi thông báo (theo mẫu 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) xác nhận ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN đến người nộp thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

3. Kể từ thời điểm đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN, người nộp thuế thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc đăng ký qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khác. Các thông tin đã đăng ký được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hỗ trợ cập nhật tự động.

Mục 3
QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN VỚI NGƯỜI NỘP THUẾ, CƠ QUAN THUẾ

Điều 35. Quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với người nộp thuế

Mối quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với người nộp thuế được xác định trên cơ sở hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ T-VAN.

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Quyền của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Ký hợp đồng bằng văn bản với người nộp thuế về cung cấp và sử dụng dịch vụ T-VAN, trong đó phải quy định rõ về trách nhiệm của các bên liên quan đến nội dung chứng từ điện tử.

- Được quyền từ chối cung cấp dịch vụ T-VAN đối với cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện tham gia giao dịch hoặc vi phạm hợp đồng.

- Được thu tiền sử dụng dịch vụ T-VAN từ người nộp thuế để đảm bảo duy trì hoạt động theo thỏa thuận tại Hợp đồng giữa hai bên.

b) Nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN công khai thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website giới thiệu dịch vụ của tổ chức.

- Cung cấp dịch vụ truyền nhận và hoàn thiện hình thức thể hiện chứng từ điện tử phục vụ việc trao đổi thông tin giữa người nộp thuế với cơ quan thuế.

- Thực hiện việc gửi, nhận đúng hạn, toàn vẹn chứng từ điện tử theo thỏa thuận với các bên tham gia giao dịch.

- Lưu giữ kết quả của các lần truyền, nhận; lưu giữ chứng từ điện tử trong thời gian giao dịch chưa hoàn thành.

- Bảo đảm kết nối, bảo mật, toàn vẹn thông tin và cung cấp các tiện ích khác cho các bên tham gia trao đổi chứng từ điện tử.

- Thông báo cho người nộp thuế và cơ quan thuế trước 10 ngày kể từ ngày dừng hệ thống để bảo trì và biện pháp xử lý để bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế.

- Thông báo xác nhận nộp hồ sơ khai thuế điện tử cho người nộp thuế sử dụng dịch vụ T-VAN.

- Chịu trách nhiệm về việc hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế đến cơ quan thuế không đúng thời hạn theo quy định trong trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ thuế điện tử đúng thời hạn quy định.

2. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế.

a) Quyền của người nộp thuế

- Lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bảo đảm giữ bí mật về dữ liệu các thông tin giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, trừ khi có thỏa thuận khác.

b) Nghĩa vụ của người nộp thuế

- Chấp hành nghiêm chỉnh các điều khoản ký kết trong hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ thuế điện tử của mình.

3.[23] Người nộp thuế gửi hồ sơ thuế điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN. Trong thời gian quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 36 Thông tư này, tổ chức cung

[23] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

cấp dịch vụ T-VAN có trách nhiệm gửi hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Điều 36. Quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với cơ quan thuế

Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải thực hiện theo đúng các điều kiện tại thỏa thuận ký kết với cơ quan thuế trong hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN.

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Quyền của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Được phép kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trong lĩnh vực thuế.

- Được cơ quan thuế hỗ trợ về nghiệp vụ thuế để thực hiện các giao dịch truyền nhận giữa người nộp thuế với cơ quan thuế.

- Được phối hợp với cơ quan thuế thực hiện đào tạo cho người nộp thuế để thực hiện cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được cơ quan thuế hỗ trợ để giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được cơ quan thuế cung cấp các mẫu, khuôn dạng chuẩn để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho người nộp thuế theo ủy quyền của cơ quan Thuế.

b) Nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN chỉ được cung cấp dịch vụ T-VAN cho người nộp thuế căn cứ theo ngày nêu tại thỏa thuận đã ký với Tổng cục Thuế.

- Có trách nhiệm chuyển hồ sơ khai thuế điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chậm nhất là 1 giờ/1 lần kể từ khi nhận được hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế; đối với các hồ sơ thuế điện tử, chứng từ điện tử khác (đăng ký thuế, nộp thuế, hoàn thuế) thì phải thực hiện chuyển ngay đến cơ quan thuế.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu cho cơ quan quản lý thuế khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về viễn thông, Internet và các quy định kỹ thuật, nghiệp vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Có trách nhiệm thiết lập kênh kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đảm bảo liên tục, an ninh, an toàn. Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, chủ động giải quyết và thông báo với cơ quan thuế để phối hợp nếu vướng mắc có liên quan tới Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trường hợp có lỗi của cổng thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải thực hiện thông báo ngay cho người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế để thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư này.

- Thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN với Tổng cục Thuế.

2. Trách nhiệm của cơ quan thuế.

a) Thiết lập, duy trì, đảm bảo kết nối Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế với tổ chức cung cấp T-VAN.

b) Kiểm tra hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đảm bảo chất lượng dịch vụ và hoạt động đúng theo quy định.

3.[24] Cơ quan Thuế gửi các thông báo, quyết định, văn bản của cơ quan thuế nêu tại Thông tư này đến hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi cho người nộp thuế.

---

[24] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Hiệu lực thi hành[25]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2015, thay thế Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010, Thông tư số 35/2013/TT-BTC ngày 01/4/2013 của Bộ Tài chính. Các quy định về quản lý thuế không hướng dẫn tại Thông tư này thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Người nộp thuế có thể nộp hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử theo lộ trình cải cách thủ tục hành chính của cơ quan thuế.

3. Trường hợp người nộp thuế đã thực hiện khai thuế bằng phương thức điện tử trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được chuyển tiếp để thực hiện các thủ tục hành chính khác bằng phương thức điện tử và khai bổ sung thông tin theo quy định tại Điều 16 Thông tư này. Người nộp thuế không phải đăng ký lại với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

1. Người nộp thuế, cơ quan Thuế, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng, tổ chức T-VAN và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

---

[25] Điều 2 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 2. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trường hợp có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./."

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có trách nhiệm ban hành các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế đảm bảo phù hợp quy định của Luật quản lý thuế và quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 33/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

DANH MỤC MẪU BIỂU[26]

(Kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính)

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều
	1. Đăng ký sử dụng giao dịch thuế điện tử		
1	*01/ĐK-TĐT*	*Tờ khai đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử*	***Điều 15***
2	*02/ĐK-TĐT*	*Tờ khai đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử*	***Điều 16***
3	03/ĐK-TĐT	Tờ khai đăng ký ngừng giao dịch thuế điện tử	**Điều 17**
	2. Đăng ký sử dụng dịch vụ thuế điện tử qua T-VAN		
4	01/ĐK-T-VAN	Tờ khai đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN	**Điều 32**
5	02/ĐK-T-VAN	Tờ khai thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN	**Điều 33**
6	03/ĐK-T-VAN	Tờ khai đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN	**Điều 34**
	3. Thông báo thuế điện tử		
7	*01/TB-TĐT*	*Thông báo v/v: Xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử*	
7	*01-1/TB-TĐT*	*Thông báo v/v: Tiếp nhận hồ sơ/chứng từ thuế điện tử*	***Điều 8, 19, 20, 22, 27, 29***
8	*01-2/TB-TĐT*	*Thông báo v/v: Chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ thuế điện tử*	***Điều 8, 19, 20, 22, 27***
9	*02/TB-TĐT*	*Thông báo v/v: Sự cố kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế*	***Điều 9***

[26] Danh mục mẫu biểu này được sửa đổi, bổ sung theo danh mục mẫu biểu kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Số TT	Mẫu số	Tên mẫu biểu	Điều
10	*03/TB-TĐT*	*Thông báo v/v: Tài khoản giao dịch thuế điện tử*	***Điều 15, 16, 17, 32, 34***
11	04/TB-TĐT	Thông báo v/v: Đăng ký thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử qua NHTM	**Điều 15**
12	*05/TB-TĐT*	*Thông báo v/v: Xác nhận nộp thuế điện tử*	***Điều 8***
13	*06/TB-TĐT*	*Thông báo v/v: Thực hiện thủ tục đăng ký thuế bằng phương thức điện tử*	
13	*06/TB-TĐT*	*Thông báo v/v: Điều chỉnh thông tin nộp thuế*	***Điều 29***
	4. Xác nhận số thuế đã nộp NSNN		
14	*C1-10a/NS-TĐT*	*Giấy đề nghị xác nhận số thuế đã nộp Ngân sách Nhà nước*	***Điều 29***
15	*C1-10b/NS-TĐT*	*Giấy xác nhận/không xác nhận số thuế đã nộp Ngân sách Nhà nước*	***Điều 29***

Mẫu số: **01/ĐK-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI[27]
Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử

□ *Tổ chức* □ *Cá nhân*

Kính gửi: <*Tổng cục Thuế*>.....

Tên người nộp thuế:

.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Xét các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, chúng tôi nhận thấy có đủ điều kiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử. Chúng tôi đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng giao dịch thuế điện tử với các thông tin như sau:

A. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ

<*Trường hợp người nộp thuế sử dụng chứng thư số*>

1. Thời gian đề nghị được áp dụng từ: ngày..... tháng..... năm.....

2. Thông tin đăng ký chứng thư số sử dụng giao dịch thuế điện tử:

STT	Tên tổ chức/cơ quan chứng thực/cấp/ công nhận chữ ký số	Số sê-ri chứng thư số	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			Từ ngày	Đến ngày	
					Đăng ký thuế
					Khai thuế
					Nộp thuế
					Hoàn thuế

[27] Mẫu này được sửa đổi theo điểm a Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

3. Thông tin đăng ký tài khoản thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử:

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Ngân hàng	Số sê-ri chứng thư số	Tên tổ chức/ cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số

4. Địa chỉ thư điện tử:

4.1. Địa chỉ thư điện tử chính thức nhận tất cả các thông báo trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

4.2. Địa chỉ thư điện tử bổ sung theo mỗi thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			Đăng ký thuế
			Khai thuế
			Nộp thuế
			Hoàn thuế

5. Số điện thoại:.....

<Trường hợp người nộp thuế sử dụng mã xác thực OTP>

1. Địa chỉ thư điện tử:

1.1. Địa chỉ thư điện tử chính thức nhận tất cả các thông báo trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

1.2. Địa chỉ thư điện tử bổ sung theo mỗi thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			Đăng ký thuế
			Khai thuế
			Nộp thuế
			Hoàn thuế

2. Số điện thoại di động:.....

B. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Chúng tôi/tôi cam kết tiếp nhận và phản hồi các thông tin liên quan đến giao dịch điện tử với cơ quan thuế; thực hiện theo các hướng dẫn, thông báo của cơ quan thuế và chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan thuế đã gửi đến địa chỉ thư điện tử chúng tôi đã đăng ký nêu trên và trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi/tôi chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, đầy đủ, chính xác với các thông tin đăng ký nêu trên.

Chúng tôi/tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tài khoản theo các quy định của cơ quan thuế và pháp luật về thuế./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

<Chữ ký số của người nộp thuế>

Mẫu số: **02/ĐK-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI[28]

Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử

□ *Thay đổi* □ *Bổ sung*

Kính gửi: <*Tổng cục Thuế*>.....

I. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ

1. Tên người nộp thuế:

.....

2. Mã số thuế:.....

II. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI/BỔ SUNG

<*Trường hợp người nộp thuế sử dụng chứng thư số*>

1. Thông tin đăng ký chứng thư số sử dụng giao dịch thuế điện tử:

STT	Tên tổ chức/cơ quan chứng thực/cấp/ công nhận chữ ký số	Số sê-ri chứng thư số	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			Từ ngày	Đến ngày	
					Đăng ký thuế
					Khai thuế
					Nộp thuế
					Hoàn thuế

[28] Mẫu này được sửa đổi theo điểm a Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

2. Thông tin đăng ký tài khoản thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử:

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Ngân hàng	Số sê-ri chứng thư số	Tên tổ chức/ cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số

3. Địa chỉ thư điện tử:

3.1. Địa chỉ thư điện tử chính thức nhận tất cả các thông báo trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

3.2. Địa chỉ thư điện tử bổ sung theo mỗi thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			Đăng ký thuế
			Khai thuế
			Nộp thuế
			Hoàn thuế

4. Số điện thoại.....

<Trường hợp người nộp thuế sử dụng mã xác thực OTP>

1. Địa chỉ thư điện tử:

1.1. Địa chỉ thư điện tử chính thức nhận tất cả các thông báo trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

1.2. Địa chỉ thư điện tử bổ sung theo mỗi thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			Đăng ký thuế
			Khai thuế
			Nộp thuế
			Hoàn thuế

2. Số điện thoại di động:.....

(Người nộp thuế ghi những nội dung có thay đổi, bổ sung)

III. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Chúng tôi/tôi cam kết tiếp nhận và phản hồi các thông tin liên quan đến giao dịch điện tử với cơ quan thuế; thực hiện theo các hướng dẫn, thông báo của cơ quan thuế và chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan thuế đã gửi đến địa chỉ thư điện tử chúng tôi đã đăng ký nêu trên và trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi/tôi chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, đầy đủ, chính xác với các thông tin đăng ký nêu trên.

Chúng tôi/tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tài khoản theo các quy định của cơ quan thuế và pháp luật về thuế./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

<Chữ ký số của người nộp thuế>

Mẫu số: **03/ĐK-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Đăng ký ngừng giao dịch thuế điện tử

Kính gửi: *<tên cơ quan thuế>*.....

I. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ

1. Tên người nộp thuế:.....

2. Mã số thuế:.....

II. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ NGỪNG GIAO DỊCH

1. Thời điểm ngừng từ:... ngày.... tháng.... năm.....

2. Lý do ngừng:.....

III. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Bằng việc ký vào tờ khai này, chúng tôi đề nghị ngừng sử dụng giao dịch thuế điện tử./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP NGƯỜI NỘP THUẾ
<Chữ ký số của người nộp thuế>

Mẫu số: 01/ĐK-T-VAN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN

Tổ chức ☐ *Cá nhân* ☐

Kính gửi: <*Tổng cục Thuế*>.....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Xét các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, chúng tôi nhận thấy có đủ điều kiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử. Chúng tôi đăng ký với cơ quan thuế được sử dụng dịch vụ thuế điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ:

1. Thời gian đề nghị được áp dụng từ: ngày..... tháng..... năm.....

2. Thông tin đăng ký chứng thư số sử dụng giao dịch thuế điện tử:

STT	Tên tổ chức/ cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số	Số sê-ri chứng thư số	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			Từ ngày	đến ngày	

3. Thông tin đăng ký tài khoản thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử:

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Ngân hàng	Số sê-ri chứng thư số	Tên tổ chức/ cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số

4. Địa chỉ thư điện tử:

4.1. Địa chỉ thư điện tử chính thức nhận tất cả các thông báo trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

4.2. Địa chỉ thư điện tử bổ sung theo mỗi thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			Đăng ký thuế
			Khai thuế
			Nộp thuế
			Hoàn thuế

5. Số điện thoại:.....

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN:

- Tên tổ chức: *(ghi rõ tên đầy đủ tổ chức)*.....
- Mã số thuế:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....

Chúng tôi cam kết nhận các phản hồi, thông báo của cơ quan thuế bằng phương thức điện tử. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, đầy đủ, chính xác với các thông tin đăng ký nêu trên./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
<Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN>	*<Chữ ký số của người nộp thuế>*

Mẫu số: **02/ĐK-T-VAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN

Thay đổi ☐ *Bổ sung* ☐

Kính gửi: <*Tổng cục Thuế*>.....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Căn cứ tờ khai Đăng ký sử dụng dịch vụ thuế điện tử T-VAN ngày....., chúng tôi đề nghị được thay đổi/bổ sung thông tin đã đăng ký, cụ thể như sau:

1. Thông tin đăng ký chứng thư số sử dụng giao dịch thuế điện tử:

STT	Tên tổ chức/ cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số	Số sê-ri chứng thư số	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Thủ tục thuế đăng ký sử dụng
			Từ ngày	đến ngày	

2. Thông tin đăng ký tài khoản thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử:

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Ngân hàng	Số sê-ri chứng thư số	Tên tổ chức/ cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số

3. Địa chỉ thư điện tử:

3.1. Địa chỉ thư điện tử chính thức nhận tất cả các thông báo trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:.....

3.2. Địa chỉ thư điện tử bổ sung theo mỗi thủ tục hành chính thuế:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Thủ tục thuế điện tử đăng ký sử dụng
			Đăng ký thuế
			Khai thuế
			Nộp thuế
			Hoàn thuế

4. Số điện thoại:.....

(chỉ ghi những nội dung có thay đổi, bổ sung)

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
<Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN>	*<Chữ ký số của người nộp thuế>*

Mẫu số: **03/ĐK-T-VAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
Đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN

Kính gửi: <*Tổng cục Thuế*>.....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Chúng tôi đăng ký với cơ quan thuế được ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN.

- Thời điểm ngừng: từ.... ngày..... tháng..... năm.....
- Lý do ngừng:.....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
<Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN>	*<Chữ ký số của người nộp thuế>*

Mẫu số: **01/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO[29]

V/v: Xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử

[29] Mẫu này bị bãi bỏ theo điểm b Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Mẫu số: **01-1/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO[30]

Về việc tiếp nhận <hồ sơ đăng ký thuế điện tử/hồ sơ khai thuế điện tử/ chứng từ nộp thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử/hồ sơ thuế điện tử>

Kính gửi: *<Tên người nộp thuế:...>*
<Mã số thuế của NNT:....>

<Trường hợp 1: Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử (hồ sơ đăng ký thuế/hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế/hồ sơ tạm ngừng kinh doanh/hồ sơ khôi phục mã số thuế/hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế/hồ sơ khôi phục sau tạm ngừng kinh doanh trước thời hạn)/hồ sơ khai thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử/hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế thì ghi:>

Căn cứ <hồ sơ đăng ký thuế điện tử/hồ sơ khai thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử/hồ sơ thuế điện tử> của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm...., cơ quan thuế tiếp nhận <hồ sơ đăng ký thuế điện tử/hồ sơ khai thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử/hồ sơ thuế điện tử> của NNT, cụ thể như sau:

<Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử thì ghi:>

+ Tên hồ sơ <.....>, mẫu <...> và các tài liệu đính kèm.

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm... Hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra.

---

[30] Mẫu này thay thế cho Mẫu 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC theo quy định tại điểm b Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Trường hợp qua kiểm tra hồ sơ không đầy đủ theo quy định cơ quan thuế sẽ trả Thông báo nêu rõ lý do không chấp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho người nộp thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ ghi trên thông báo này.

Trường hợp qua kiểm tra hồ sơ đầy đủ theo quy định: <nêu kết quả và thời hạn trả kết quả theo từng loại hồ sơ, địa điểm trả hồ sơ (riêng đối với hồ sơ đăng ký thuế lần đầu thì ghi thêm nội dung "Khi đến nhận kết quả đăng ký thuế, người nộp thuế phải nộp hồ sơ bản giấy cho cơ quan thuế")>

<Trường hợp tiếp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC thì hiển thị:>

+ Tên tờ khai/Phụ lục:.....

+ Loại tờ khai:.....

+ Kỳ tính thuế:.....

+ Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ khai thuế điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc..... giờ..... phút ngày.... tháng..... năm..... Hồ sơ khai thuế điện tử sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hay không chấp nhận trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử của NNT.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ nộp thuế thì hiển thị:>

+ Tên chứng từ nộp thuế điện tử:.....

+ Số tham chiếu:.....

+ Tài khoản trích nợ:.....

+ Tên Kho bạc Nhà nước hạch toán thu:.....

+ Tên cơ quan thuế quản lý thu:.....

+ Tổng số khoản:.....

+ Loại tiền:.....

+ Tổng số tiền nộp NSNN:.....

Chứng từ điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng.... năm.....

<Trường hợp tiếp nhận thư tra soát thì hiển thị:>

+ Tên hồ sơ thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Thư tra soát điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày... tháng... năm...

Cơ quan thuế sẽ trả Thông báo về việc điều chỉnh thông tin nộp thuế, lý do không điều chỉnh (trường hợp không điều chỉnh) trong thời gian <số ngày làm việc theo quy định> kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận thư tra soát của người nộp thuế.

<Trường hợp tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế thì hiển thị:>

+ Tên hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ hoàn thuế điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc...giờ....phút ngày....tháng.... năm..... Hồ sơ hoàn thuế điện tử sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hay không chấp nhận trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử của NNT.

<Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xác nhận số thuế đã nộp ngân sách:>

Hồ sơ <xác nhận số thuế đã nộp ngân sách> điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc...giờ...phút ngày.... tháng.... năm....

Cơ quan thuế sẽ trả Thông báo xác nhận hoặc không xác nhận, lý do không xác nhận trong thời hạn <3 ngày làm việc với đề nghị xác nhận số nộp ngân sách> kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị của người nộp thuế.

< Trường hợp tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử là hồ sơ khác:>

+ Tên hồ sơ thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ thuế điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng... năm Hồ sơ thuế điện tử sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả kết quả trong thời hạn <số ngày làm việc theo quy định> ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị của người nộp thuế.

<Trường hợp 2: Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử/hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế thì ghi:>

Căn cứ <hồ sơ khai thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử/hồ sơ thuế điện tử> của NNT gửi tới cơ quan thuế lúc...giờ...phút ngày... tháng... năm.... Cơ quan thuế thông báo về việc không tiếp nhận <hồ sơ khai thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử/hồ sơ thuế điện tử> của NNT, cụ thể như sau:

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC thì hiển thị:>

+ Tên tờ khai/Phụ lục:.....
+ Loại tờ khai:.....
+ Kỳ tính thuế:.....
+ Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....
+ Mã giao dịch điện tử:.....
+ Lý do không tiếp nhận:.....

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	*<nhóm lỗi>(<tên lỗi>) <Sai thông tin kỳ tính thuế (Kỳ quyết toán từ ngày không được lớn hơn đến ngày)>*	*<Đề nghị NNT sửa lại thông tin kỳ quyết toán từ ngày đến ngày và gửi lại HSKT theo đúng quy định.>*	

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ nộp thuế thì hiển thị:>
+ Tên chứng từ nộp thuế điện tử:.....
+ Tài khoản trích nợ:.....
+ Tên Kho bạc Nhà nước hạch toán thu:.....
+ Tên cơ quan thuế quản lý thu:.....
+ Tổng số khoản:.....
+ Loại tiền:.....
+ Tổng số tiền nộp NSNN:.....
+ Lý do không tiếp nhận:.....

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	*<nhóm lỗi>(<tên lỗi>)*		

<Trường hợp không tiếp nhận thư tra soát thì hiển thị:>
+ Tên hồ sơ thuế điện tử:.....
+ Mã giao dịch điện tử:.....
+ Lý do không tiếp nhận:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	*<nhóm lỗi>(<tên lỗi>)*		

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế thì hiển thị:>

+ Tên hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không tiếp nhận:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	*<nhóm lỗi>(<tên lỗi>)*		

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ xác nhận số thuế đã nộp ngân sách: hồ sơ khác:>

+ Tên hồ sơ thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không tiếp nhận:

STT	Mô tả lỗi	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	*<nhóm lỗi>(<tên lỗi>)*		

Đề nghị NNT điều chỉnh và gửi lại <hồ sơ khai thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử/hồ sơ thuế điện tử> theo hướng dẫn nêu trên để được ghi nhận nghĩa vụ nộp hồ sơ thuế theo quy định.

Trường hợp NNT cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn http://www.xxx.gdt.gov.vn hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./.

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú: *Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*

Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.

Mẫu số: **01-2/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO[31]

Về việc chấp nhận/không chấp nhận <hồ sơ đăng ký thuế điện tử/hồ sơ khai thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử/hồ sơ thuế điện tử>

Kính gửi: *<Họ tên người nộp thuế:...>*
<Mã số thuế của NNT:....>

< Trường hợp 1: Trường hợp chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử thì ghi:>

Căn cứ <hồ sơ khai thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử> của người nộp thuế (NNT) đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thông báo **tiếp nhận** vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm.... Cơ quan thuế thông báo về việc chấp nhận <hồ sơ khai thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử> của NNT, cụ thể như sau:

<Trường hợp chấp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC thì hiển thị:>

+ Tên tờ khai/Phụ lục:.....

+ Loại tờ khai:.....

+ Kỳ tính thuế:.....

+ Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của NNT được cơ quan thuế **chấp nhận** vào lúc... giờ... phút ngày.... tháng.... năm.....

[31] Mẫu này thay thế cho Mẫu 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC theo quy định tại điểm b Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Ngày hoàn thành việc nộp HSKT của NNT là ngày *<ngày nộp của HSKT bước 1 được tiếp nhận lần đầu>*.

<Trường hợp chấp nhận hồ sơ hoàn thuế thì hiển thị:>

Hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử của NNT được cơ quan thuế **nhận đủ** vào lúc... giờ.... phút ngày.... tháng..... năm.....

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết: sáu 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau hoặc cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan Thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế.

Cơ quan thuế sẽ thực hiện trả kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế cho NNT qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

<Trường hợp 2: Trường hợp không chấp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử/hồ sơ khai thuế điện tử/hồ sơ hoàn thuế điện tử/hồ sơ thuế điện tử thì ghi:>

Căn cứ hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế (NNT) đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Thông báo **tiếp nhậ**n vào lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm....

Cơ quan thuế thông báo về việc **không chấp nhận** hồ sơ thuế điện tử của NNT, cụ thể như sau:

<Trường hợp không chấp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử (hồ sơ đăng ký thuế/hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế/hồ sơ tạm ngừng kinh doanh/hồ sơ khôi phục mã số thuế/hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế/hồ sơ khôi phục sau tạm ngừng kinh doanh trước thời hạn) thì ghi:>

- Tên hồ sơ *<.....>, mẫu <... > và các tài liệu đính kèm*.
- Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ đăng ký thuế điện tử của NNT nộp cho cơ quan thuế không đầy đủ theo quy định, cụ thể:

STT	Tên hồ sơ	Mẫu số	Thông tin có sai sót	Hướng dẫn xử lý

Đề nghị người nộp thuế điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ để nộp lại cho cơ quan thuế thay thế cho hồ sơ đã nộp có sai sót theo hướng dẫn nêu trên.

Cơ quan thuế sẽ giải quyết hồ sơ khi người nộp thuế nộp hồ sơ đầy đủ theo Thông báo này.

<Trường hợp không chấp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC thì hiển thị:>

+ Tên tờ khai/Phụ lục:.....

+ Loại tờ khai:.....

+ Kỳ tính thuế:.....

+ Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không chấp nhận:

STT	Thông tin có sai sót	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	*<nhóm lỗi>(<tên lỗi>) <Sai thông tin HSKT bổ sung (NNT chưa có HSKT chính thức cho kỳ tính thuế...)>*	NNT chưa có HSKT chính thức cho kỳ tính thuế.... Đề nghị NNT nộp HSKT chính thức trước khi nộp HSKT bổ sung	

Đề nghị NNT điều chỉnh và gửi lại hồ sơ thuế điện tử theo hướng dẫn nêu trên để được ghi nhận nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế theo quy định.

<Trường hợp không chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử thì hiển thị:>

+ Tên hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không chấp nhận:

STT	Thông tin có sai sót	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	*<nhóm lỗi>(<tên lỗi>)*		

<Trường hợp không chấp nhận hồ sơ thuế điện tử khác:>

+ Tên hồ sơ thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không chấp nhận:

STT	Thông tin có sai sót	Hướng dẫn xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	*<nhóm lỗi>(<tên lỗi>)*		

Đề nghị NNT điều chỉnh và gửi lại hồ sơ thuế điện tử theo hướng dẫn nêu trên để được ghi nhận nghĩa vụ nộp hồ sơ thuế theo quy định (trừ hồ sơ đăng ký thuế điện tử).

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng truy cập theo đường dẫn http://www.xxx.gdt.gov.vn hoặc liên hệ với *<tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ>* để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú: *Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*

Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.

Mẫu số: **02/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO[32]

Về việc sự cố kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế

Căn cứ quy định tại Điều 9 Thông tư số.... ngày... của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

<Thông báo về sự cố kỹ thuật>

Do sự cố kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế, Tổng cục Thuế thông báo tạm dừng việc nhận hồ sơ thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế từ...ngày... tháng... năm.... Cơ quan Thuế đang cố gắng khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất. Sau khi sự cố được khắc phục, cơ quan Thuế sẽ có thông báo cho NNT biết.

<Trường hợp thông báo sự cố kỹ thuật đã được khắc phục>

Ngày... tháng... năm... cơ quan Thuế có Thông báo số...../TB-TĐT thông báo cho NNT về sự cố <kỹ thuật Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế>. Đến nay, sự cố đã được khắc phục. Người nộp thuế có thể tiếp tục thực hiện các giao dịch điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định.

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn:

http://www.xxx. gdt.gov.vn hoặc liên hệ với *<tên cơ quan Thuế giải quyết hồ sơ>* để được hỗ trợ trực tiếp.

Tổng cục Thuế thông báo để người nộp thuế được biết./.

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú: *Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*

[32] Mẫu này được sửa đổi theo điểm a Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Mẫu số: **03/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO[33]

Về việc tài khoản giao dịch thuế điện tử

Kính gửi: *<Tên người nộp thuế:...>*
<Mã số thuế:...>
<Địa chỉ:...>

<1. Trường hợp đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN>

Căn cứ hồ sơ <đăng ký giao dịch thuế điện tử/đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử/đăng ký ngừng giao dịch thuế điện tử> <qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T- VAN> của người nộp thuế

Mã giao dịch điện tử:...;

Xét điều kiện thực hiện và cam kết của người nộp thuế.

*<1.1. Trường hợp **chấp nhận** đề nghị của người nộp thuế thì ghi:>*

Cơ quan thuế chấp nhận đề nghị về việc <đăng ký giao dịch thuế điện tử/đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử/đăng ký ngừng giao dịch thuế điện tử> <qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN> của người nộp thuế kể từ... giờ.... phút.... giây ngày... tháng... năm..., cụ thể như sau:

---

[33] Mẫu này được sửa đổi theo điểm a Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

<1.1.1. Trường hợp đăng ký giao dịch với cơ quan thuế lần đầu>

< Trường hợp NNT đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử lần đầu qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì hiển thị: "thông tin về tài khoản; đường link để người nộp thuế đăng nhập vào hệ thống">.

< Trường hợp NNT đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử lần đầu qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thì hiển thị: "thông tin về tài khoản, mật khẩu để thực hiện tra cứu trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; đường link để người nộp thuế đăng nhập vào hệ thống">.

Lưu ý:

+ NNT có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan thuế khi phát hiện hoặc nghi ngờ có hiện tượng truy cập và sử dụng trái phép dịch vụ thuế điện tử hoặc nghi ngờ thông tin đăng nhập không còn bảo mật hoặc bị mất thiết bị xác thực.

+ NNT cần thận trọng, hạn chế dùng máy tính công cộng, mạng không dây công cộng để truy cập vào hệ thống thuế điện tử.

+ Thoát khỏi hệ thống thuế điện tử khi không sử dụng.

+ Không đặt tùy chọn của trình duyệt Web cho phép lưu lại tên và mật khẩu người dùng.

<1.1.2. Trường hợp NNT đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin/đăng ký ngừng giao dịch thuế điện tử thì hiển thị các thông tin đã chấp nhận>.

*<1.2. Trường hợp **không chấp nhận** đề nghị của người nộp thuế thì ghi:>*

Cơ quan thuế không chấp nhận đề nghị về việc *<đăng ký giao dịch thuế điện tử/đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử/đăng ký ngừng giao dịch thuế điện tử>* của người nộp thuế.

Lý do: *<Lý do không chấp nhận>*

<2. Trường hợp cơ quan thuế gửi thông báo về việc ngừng giao dịch điện tử của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN:>

Cơ quan thuế thông báo về việc Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ngừng việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế kể từ... giờ.... phút.... giây ngày... tháng... năm...

Lý do: *<Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký/doanh nghiệp bị giải thể/chấm dứt tồn tại theo Thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh/.....>*

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: http://www.xxx.gdt.gov.vn hoặc liên hệ với <*tên cơ quan thuế*> để được hỗ trợ trực tiếp.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú: *Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ. Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.*

Mẫu số: **04/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính)

NGÂN HÀNG..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-NHTM *....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
V/v: Đăng ký thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử qua NHTM

Kính gửi: *<Tên người nộp thuế>*.....
<Mã số thuế>:.....
<Trường hợp chấp nhận đề nghị của người nộp thuế thì ghi:>

Vào *<... giờ... phút... giây , ngày...../...../.....,* người nộp thuế đã được Ngân hàng*<tên ngân hàng>*..... chấp nhận đăng ký thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử qua Ngân hàng, thông tin chi tiết như sau:

1. Thông tin tài khoản, chứng thư số đăng ký thủ tục nộp thuế điện tử:

STT	Số tài khoản	Tên tài khoản	Tên tổ chức chứng thực chữ ký số	Số sê-ri chứng thư số	Thời hạn sử dụng chứng thư số	
					Từ ngày	đến ngày

2. Địa chỉ thư điện tử để nhận thông báo, phản hồi của Ngân hàng:

STT	Địa chỉ thư điện tử	Họ tên người sử dụng	Ghi chú
1			*Địa chỉ thư điện tử chính thức*
2			*Địa chỉ thư điện tử bổ sung theo thủ tục nộp thuế điện tử*

3. Số điện thoại:.....

Để sử dụng dịch vụ, NNT truy cập theo đường dẫn*: <đường dẫn>*

<Trường hợp không chấp nhận đề nghị của người nộp thuế thì ghi:>

Ngân hàng..... không chấp thuận đăng ký thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử thông qua tài khoản của Ngân hàng.....

Lý do: *<Lý do không chấp nhận>*.

Ngân hàng..... thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

<Chữ ký số của Ngân hàng>

Ghi chú: *Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ. Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.*

Mẫu số: **05/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính)

NGÂN HÀNG..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-NH *....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO[34]
Về việc xác nhận nộp thuế điện tử

Kính gửi: *<Tên người nộp thuế:...>*
<Mã số thuế:...>

Vào *<...giờ... phút... giây, ngày.... tháng... năm...>*, Ngân hàng..... thông báo trạng thái thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử của người nộp thuế, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Giá trị
1	Số tham chiếu	
2	Mã hiệu chứng từ	
3	Số chứng từ	
4	Tài khoản trích Nợ	
5	Nộp cho KBNN	
6	Ngày gửi GNT	
7	Ngày nộp thuế điện tử	
8	Tổng số khoản	
9	Loại tiền	
10	Tổng số tiền nộp NSNN	
11	Trạng thái	
12	Lý do *<trường hợp không thành công>*	

Để tra cứu thông tin đã nộp thuế điện tử nói trên, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: *<đường dẫn>*.

<Chữ ký số của Ngân hàng>

[34] Mẫu này được sửa đổi theo điểm a Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Mẫu số: **06/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO[35]

V/v: Thực hiện thủ tục đăng ký thuế bằng phương thức điện tử

[35] Mẫu này bị bãi bỏ theo điểm b Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Mẫu số: **06/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TĐT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO[36]

Về việc điều chỉnh thông tin nộp thuế

Kính gửi: *<Tên người nộp thuế:...>*
<Mã số thuế của người nộp thuế:...>

Căn cứ chứng từ nộp tiền vào NSNN của *<Tên NNT, MST>*;

Căn cứ thư tra soát có mã giao dịch điện tử..... gửi đến cơ quan thuế lúc..... giờ..... phút ngày..... tháng..... năm..... của người nộp thuế;

(1) Cục Thuế/Chi cục Thuế *<Tên cơ quan thuế>* xác nhận đã thực hiện điều chỉnh thông tin chứng từ nộp tiền vào NSNN của *<Tên NNT, MST>* như sau:

Ngày nộp thuế	*Số tham chiếu*	*Loại tiền*	*Tài khoản thu*	*Tên KB hạch toán thu*	*Tên cơ quan thuế quản lý thu*	*Thông tin khoản nộp NSNN*			*Số tiền*
						Số tờ khai/số quyết định/số thông báo	*Kỳ thuế/ngày QĐ/ngày TB*	*Nội dung khoản nộp*	

[36] Mẫu được bổ sung theo điểm c Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

hoặc: (2) Cơ quan thuế không thực hiện điều chỉnh thông tin chứng từ nộp tiền vào NSNN theo yêu cầu của người nộp thuế do <lý do>.

Trường hợp người nộp thuế cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn http://www.xxx.gdt.gov.vn hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./.

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú: *Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*

Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.

Mẫu số: **C1-10a/NS-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính)

CƠ QUAN/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ.....
Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC[37]

Kính gửi:..... (Tên cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế:..... Mã số thuế.....
Đề nghị cơ quan thuế:.....
Xác nhận số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước của:
<*Tên người nộp thuế*>..... Mã số thuế:.....
Và các đơn vị phụ thuộc:
+ <*Tên người nộp thuế*>..... Mã số thuế:.....
+ <*Tên người nộp thuế*>..... Mã số thuế:.....
Các thông tin đề nghị xác nhận:
1. Thời gian nộp tiền vào NSNN (trong năm dương lịch): Từ ngày...../...../..... đến ngày.../.../...:
2. Loại thuế (Người nộp thuế chọn xác nhận theo một trong hai trường hợp):
+ Tất cả các loại thuế
+ Một hoặc nhiều loại thuế: <Loại thuế 1 <Tiểu mục>; Loại thuế 2 <Tiểu mục>;.....>
3. Chứng từ nộp thuế

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung nộp NSNN	Số tiền	Loại tiền	Cơ quan quản lý thu	Ghi chú
1									
2									
TỔNG CỘNG: *(Chi tiết theo từng loại tiền)*									

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan/người đề nghị
(Ký tên và đóng dấu)

[37] Mẫu được bổ sung theo điểm c Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Mẫu số: **C1-10b/NS-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 của Bộ Tài chính)

CƠ QUAN THUẾ XÁC NHẬN.....
Số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN/KHÔNG XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP NSNN[38]

Kính gửi: *<tên NNT>*..... *<Mã số thuế>*.....

Căn cứ Giấy đề nghị xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước số..... ngày.../.../... của người nộp thuế gửi cơ quan thuế;

Căn cứ số liệu về số thuế đã nộp NSNN của người nộp thuế được theo dõi trên ứng dụng của cơ quan thuế, *<Trường hợp chấp nhận đề nghị xác nhận của NNT>* cơ quan thuế xác nhận số tiền thuế đã nộp vào NSNN từ ngày.../.../... đến ngày.../.../... của *<tên NNT>*....., mã số thuế *<mã số thuế>*..... và các đơn vị phụ thuộc (nếu có)....., cụ thể như sau:

<1. Xác nhận theo loại thuế>

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Loại thuế	Nội dung nộp NSNN		Số tiền	Loại tiền	Cơ quan quản lý thu	Ghi chú
				Chương	Tiểu mục				
TỔNG CỘNG: *(Chi tiết theo từng MST, loại thuế, loại tiền)*									

[38] Mẫu được bổ sung theo điểm c Khoản 18 Điều 1 Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2019.

<2. Xác nhận chi tiết theo chứng từ nộp thuế>

STT	MST	Tên NNT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Ngày nộp thuế	Nội dung nộp NSNN		Số tiền	Loại tiền	Cơ quan quản lý thu	Ghi chú
						Chương	Tiểu mục				
TỔNG CỘNG: *(Chi tiết theo từng loại tiền)*											

<Trường hợp không chấp nhận đề nghị xác nhận của NNT thì>: Cơ quan thuế không xác nhận đề nghị của người nộp thuế.

Lý do không xác nhận:.....

Đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế quản lý thu để rà soát, đối chiếu.

Trường hợp có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế quản lý thu để được hỗ trợ trực tiếp./.

CƠ QUAN THUẾ.....

NGƯỜI ĐỐI CHIẾU *(Ký, ghi rõ họ tên)*

THỦ TRƯỞNG *(Ký tên, đóng dấu)*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng